

Số: 01 / BC-QLCL

Đắk Lắk, ngày 28 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT (online)

Lấy ý kiến từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

Kính gửi: Lãnh đạo Trường

Căn cứ Kế hoạch BĐCLGD số 02/KH-ĐHTN, ngày 20/01/2025 của Trường Đại học Tây Nguyên về việc thực hiện các hoạt động BĐCLGD năm 2025;

Căn cứ Thông báo số 01/TB-ĐHTN, ngày 02/01/2025 của Trường về việc Sinh viên xem kết quả thi, Thời khóa biểu và tích hợp thực hiện khảo sát online trên Website của Trường;

Căn cứ Kế hoạch Khảo sát số 01/KH-QLCL ngày 10/02/2025 của Phòng Quản lý chất lượng về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ 1, năm học 2024 - 2025 đã được duyệt; Phòng QLCL báo cáo kết quả Khảo sát như sau:

1. Mục đích

- Thực hiện Quy chế dân chủ trong cơ sở giáo dục đại học.
- Tiếp thu ý kiến đóng góp của sinh viên, hiểu rõ hơn tâm tư nguyện vọng của người học nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học.
- Nâng cao tinh thần trách nhiệm của giảng viên trong giảng dạy. Tạo kênh thông tin giúp giảng viên điều chỉnh hoạt động giảng dạy. Giúp cán bộ quản lý có thêm cơ sở nhận xét, đánh giá giảng viên.
- Có số liệu, minh chứng phục vụ công tác BĐCLGD, tự đánh giá và đánh giá ngoài.
- Góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục, đào tạo.

2. Yêu cầu

- Đảm bảo truyền thống tôn sư trọng đạo và những giá trị đạo đức, văn hoá tốt đẹp của dân tộc.
- Người học hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, tự nguyện và trung thực trong việc cung cấp thông tin theo mẫu câu hỏi khảo sát do Trường thiết kế.
- Thông tin phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên được xử lý khách quan, trung thực và được sử dụng đúng mục đích.

3. Thời gian thực hiện

Từ tháng 01 - 02 / 2025.

4. Đối tượng, phạm vi thực hiện

- Sinh viên (SV) các lớp đại học hệ chính quy các ngành, các khóa của các Khoa.
- Giảng viên (GV) giảng dạy các học phần của các ngành, các Khoa trong Trường.

5. Nội dung khảo sát

- Bộ câu hỏi được sử dụng để khảo sát gồm 12 câu với 3 nội dung chính là: **1-Nội dung học phần; 2-Hoạt động giảng dạy; 3-Hoạt động kiểm tra, đánh giá.**

- Sự hài lòng của SV tham gia khảo sát thể hiện ở 5 mức độ theo thang đo Likert: **1-Rất không hài lòng; 2-Không hài lòng; 3-Bình thường; 4-Hài lòng; 5-Rất hài lòng.**

- SV có thể nhận xét, góp ý, đề xuất thêm nội dung vào mục **Ý kiến khác.**

6. Phương pháp thực hiện

- **Quy trình thực hiện khảo sát: gồm 5 bước chính như sau:**

1-Xây dựng Kế hoạch Khảo sát, trình Lãnh đạo Trường phê duyệt.

2- Triển khai việc thực hiện khảo sát các bên liên quan, thu thập dữ liệu/số liệu khảo sát.

3-Xử lý Dữ liệu/số liệu đã khảo sát.

4-Phân tích, tổng hợp và viết báo cáo kết quả khảo sát.

5-Công khai báo cáo kết quả khảo sát tới các bên liên quan theo Quy định.

- Sử dụng link khảo sát trên Website của Trường do Phòng Truyền thông và TVTS thiết kế; gửi Thông báo Khảo sát tới các lớp thông qua sự phối hợp với các Khoa, Cố vấn học tập và Lớp Trưởng các lớp triển khai thực hiện khảo sát.

- Mẫu khảo sát: Sinh viên các ngành, các lớp, các khóa, các Khoa vào xem kết quả thi, xem thời khóa biểu và tự chọn các học phần đã học của các GV để đánh giá.

- **Link khảo sát:** <https://www.ttn.edu.vn/sv/khaosat>

- Xử lý dữ liệu, số liệu kết quả khảo sát bằng phần mềm Microsoft Excel 2016.

- **Điểm số mức độ hài lòng** là số điểm hài lòng trung bình (TB) của từng câu hỏi.

- **Điểm số mức độ hài lòng được tính quy đổi** = $(GTLN - GTNN)/5 = (5 - 1)/5 = 0.8$

+ Từ 1.0 – 1.8: Rất không hài lòng

+ Từ 1.9 – 2.6: Không hài lòng

+ Từ 2.7 – 3.4: Bình thường

+ Từ 3.5 – 4.2: Hài lòng

+ Từ 4.3 – 5.0: Rất hài lòng

7. Kết quả khảo sát

Đã khảo sát lấy ý kiến được **5279** SV, **217** lớp, 629 lượt GV, 787 học phần về hoạt động giảng dạy của GV các ngành, các khóa, các Khoa trong Trường. Cụ thể gồm có:

STT	Khoa	Số SV đã khảo sát	Tỷ lệ (%)	Số lớp đã khảo sát	Số lượt GV đã khảo sát	Số học phần được khảo sát / đánh giá
1.	Y Dược	1.387	26.3	45	142	154
2.	Nông Lâm nghiệp	280	5.3	24	77	107
3.	Kinh tế	1.335	25.3	51	101	106
4.	Sư phạm	726	13.8	29	78	116
5.	Lý luận Chính trị	54	1.0	6	28	41
6.	Ngoại ngữ	508	9.6	17	52	55
7.	Chăn nuôi Thú y	442	8.4	15	56	61
8.	Khoa học TN-CN	547	10.4	30	95	147
TỔNG		5.279	100.0	217	629	787

Sinh viên đánh giá hoạt động giảng dạy của GV giảng dạy các Khoa như sau:

7.1. Khoa Y Dược

STT	NỘI DUNG	Rất không hài lòng (%)	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Rất hài lòng (%)	Điểm số hài lòng TB
1.	SV được cung cấp đầy đủ thông tin về học phần (nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học, CĐR, học liệu và quy định về kiểm tra, đánh giá).	1.6	1.6	16.4	26.9	53.5	4.3
2.	Nội dung học phần đáp ứng mục tiêu, chuẩn đầu ra tương ứng.	1.5	1.5	16.9	28.1	52.0	4.3
3.	Nội dung học phần cập nhật các thông tin, kiến thức mới.	1.4	1.5	17.0	27.3	52.8	4.3
4.	Các hoạt động dạy học phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần.	1.5	1.8	17.0	28.1	51.6	4.3
5.	Hoạt động giảng dạy của GV khuyến khích được SV tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, có tích hợp với việc phát triển kỹ năng mềm, phát triển tư duy sáng tạo và khả năng học tập suốt đời.	1.5	1.6	17.5	27.3	52.1	4.3
6.	GV lên lớp theo đúng kế hoạch học tập của học phần, GV thực hiện giảng dạy đầy đủ nội dung trong Đề cương chi tiết học phần đã công bố.	1.5	1.7	17.4	27.4	52.0	4.3
7.	GV ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin trong giảng dạy, GV hỗ trợ hiệu quả về các vấn đề học tập khi sinh viên có yêu cầu.	1.5	1.5	17.5	27.4	52.1	4.3
8.	Cách ứng xử của giảng viên với người học trong quá trình lên lớp.	1.6	1.3	17.2	28.5	51.4	4.3
9.	GV phổ biến các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cho người học (thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi...).	1.4	1.4	17.3	28.4	51.5	4.3
10.	Phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần.	1.3	1.5	17.6	28.0	51.6	4.3
11.	Kết quả kiểm tra, đánh giá phản ánh đúng năng lực của người học.	1.7	1.5	17.6	27.8	51.4	4.3
12.	Phản hồi về kết quả kiểm tra, đánh giá của người học theo quá trình (chuyên cần, thường xuyên, giữa kỳ,...) giúp SV cải thiện việc học tập. SV dễ dàng thực hiện quy trình phản hồi về kết quả học tập khi cần.	1.6	1.4	17.3	28.3	51.4	4.3
TRUNG BÌNH		1.5	1.5	17.2	27.9	51.9	4.3

Kết quả Bảng trên cho thấy đa số SV các ngành của Khoa hài lòng với hoạt động giảng dạy của giảng viên. Số SV đánh giá bình thường là 17.2%; Tỷ lệ số SV hài lòng trung bình là 79.8%.

* **Ý kiến khác:** Có 8.7% (121/1387) số SV của Khoa góp ý như sau:

- Một số học phần chuyên ngành quan trọng, GV cần giảng dạy cho SV kỹ hơn. Đa số GV đã cập nhật thông tin về các học phần.

- Một số GV nên chấm điểm kiểm tra, điểm thực hành, điểm bộ phận, điểm thi cho SV chính xác, công tâm hơn, không nên quá khắt khe.
- Một số học phần GV cần ra câu hỏi ôn tập đúng trọng tâm để SV thi kết thúc học phần bao quát được nội dung và đạt kết quả tốt.
- Cần sửa chữa các phòng học, thay màn hình, máy chiếu, âm thanh, ánh sáng, rèm, quạt,... có chất lượng để phục vụ tốt hơn việc dạy và học.

7.2. Khoa Nông Lâm nghiệp

STT	NỘI DUNG	Rất không hài lòng (%)	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Rất hài lòng (%)	Điểm số hài lòng TB
1.	SV được cung cấp đầy đủ thông tin về học phần (nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học, CDR, học liệu và quy định về kiểm tra, đánh giá).	2.9	1.4	13.9	24.4	57.4	4.3
2.	Nội dung học phần đáp ứng mục tiêu, chuẩn đầu ra tương ứng.	2.4	1.7	14.4	25.3	56.2	4.3
3.	Nội dung học phần cập nhật các thông tin, kiến thức mới.	2.4	1.6	13.9	25.3	56.8	4.3
4.	Các hoạt động dạy học phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần.	2.4	1.7	14.5	25.0	56.4	4.3
5.	Hoạt động giảng dạy của GV khuyến khích được SV tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, có tích hợp với việc phát triển kỹ năng mềm, phát triển tư duy sáng tạo và khả năng học tập suốt đời.	2.4	1.9	14.8	24.9	56.0	4.3
6.	GV lên lớp theo đúng kế hoạch học tập của học phần, GV thực hiện giảng dạy đầy đủ nội dung trong Đề cương chi tiết học phần đã công bố.	2.3	2.2	14.9	24.4	56.2	4.3
7.	GV ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin trong giảng dạy, GV hỗ trợ hiệu quả về các vấn đề học tập khi sinh viên có yêu cầu.	2.7	1.9	14.9	24.4	56.1	4.3
8.	Cách ứng xử của giảng viên với người học trong quá trình lên lớp.	2.6	1.9	14.4	26.1	55.0	4.3
9.	GV phổ biến các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cho người học (thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi...).	2.6	1.7	14.5	26.0	55.2	4.3
10.	Phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần.	2.6	1.9	14.9	25.0	55.6	4.3
11.	Kết quả kiểm tra, đánh giá phản ánh đúng năng lực của người học.	2.6	1.9	15.1	24.7	55.7	4.3
12.	Phản hồi về kết quả kiểm tra, đánh giá của người học theo quá trình (chuyên cần, thường xuyên, giữa kỳ,...) giúp SV cải thiện việc học tập. SV dễ dàng thực hiện quy trình phản hồi về kết quả học tập khi cần.	2.6	2.0	14.4	26.3	54.7	4.3

STT	NỘI DUNG	Rất không hài lòng (%)	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Rất hài lòng (%)	Điểm số hài lòng TB
	TRUNG BÌNH	2.5	1.8	14.6	25.2	55.9	4.3

Kết quả Bảng trên cho thấy đa số SV các ngành của Khoa hài lòng với hoạt động giảng dạy của giảng viên. Số SV đánh giá bình thường là 14.6%; Tỷ lệ số SV hài lòng trung bình là 81.1%.

* **Ý kiến khác:** Có 10.4% (29/280) số SV của Khoa góp ý như sau:

- SV hài lòng với việc giảng dạy của Giảng viên. GV viên dạy nhiệt tình, có tâm huyết, thân thiện, truyền đạt kiến thức dễ hiểu và truyền được cảm hứng cho SV.

- Một số GV nên chấm điểm kiểm tra, điểm bộ phận, điểm thi cho SV chính xác, công tâm hơn.

Cần cho SV đề cương ôn thi đúng trọng tâm học phần đã giảng dạy.

- Một số học phần giảng viên cần chấm điểm nhanh hơn để SV biết kết quả sớm.

- Một số học phần có thực hành chuyên ngành, SV muốn được đi thực tế nhiều hơn.

7.3. Khoa Kinh tế

STT	NỘI DUNG	Rất không hài lòng (%)	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Rất hài lòng (%)	Điểm số hài lòng TB
1.	SV được cung cấp đầy đủ thông tin về học phần (nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học, CDR, học liệu và quy định về kiểm tra, đánh giá).	2.0	1.5	19.5	30.3	46.7	4.2
2.	Nội dung học phần đáp ứng mục tiêu, chuẩn đầu ra tương ứng.	1.7	1.8	18.8	31.9	45.8	4.2
3.	Nội dung học phần cập nhật các thông tin, kiến thức mới.	1.6	1.6	20.0	30.4	46.4	4.2
4.	Các hoạt động dạy học phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần.	2.0	1.7	19.4	31.8	45.1	4.2
5.	Hoạt động giảng dạy của GV khuyến khích được SV tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, có tích hợp với việc phát triển kỹ năng mềm, phát triển tư duy sáng tạo và khả năng học tập suốt đời.	1.6	2.0	20.1	31.1	45.2	4.2
6.	GV lên lớp theo đúng kế hoạch học tập của học phần, GV thực hiện giảng dạy đầy đủ nội dung trong Đề cương chi tiết học phần đã công bố.	1.6	1.9	19.8	31.3	45.4	4.2
7.	GV ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin trong giảng dạy, GV hỗ trợ hiệu quả về các vấn đề học tập khi sinh viên có yêu cầu.	1.7	1.9	19.6	31.5	45.3	4.2
8.	Cách ứng xử của giảng viên với người học trong quá trình lên lớp.	1.6	1.8	20.1	30.8	45.7	4.2
9.	GV phổ biến các quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cho người học (thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi...).	1.7	1.7	19.6	31.2	45.8	4.2
10.	Phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần.	1.7	1.7	19.9	31.5	45.2	4.2
11.	Kết quả kiểm tra, đánh giá phản ánh	1.8	1.7	19.6	31.3	45.6	4.2

STT	NỘI DUNG	Rất không hài lòng (%)	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Rất hài lòng (%)	Điểm số hài lòng TB
	đúng năng lực của người học.						
12.	Phản hồi về kết quả kiểm tra, đánh giá của người học theo quá trình (chuyên cần, thường xuyên, giữa kỳ,...) giúp SV cải thiện việc học tập. SV dễ dàng thực hiện quy trình phản hồi về kết quả học tập khi cần.	1.9	1.5	20.0	30.6	46.0	4.2
TRUNG BÌNH		1.8	1.7	19.7	31.1	45.7	4.2

Kết quả Bảng trên cho thấy đa số SV các ngành của Khoa hài lòng với hoạt động giảng dạy của giảng viên. Số SV đánh giá bình thường là 19.7%; Tỷ lệ số SV hài lòng trung bình là 76.8%.

* **Ý kiến khác:** Có 9.2% (123/1335) số SV của Khoa góp ý như sau:

- SV hài lòng với việc giảng dạy của Giảng viên. GV viên dạy nhiệt tình, có tâm huyết, thân thiện, truyền đạt kiến thức dễ hiểu và truyền được cảm hứng cho SV.
- Một số GV nên chấm điểm kiểm tra, điểm bộ phận, điểm thi cho SV chính xác, công tâm hơn. Cần cho SV đề cương ôn thi đúng trọng tâm học phần đã giảng dạy.
- Cần sửa chữa các phòng học, thay màn hình, máy chiếu, âm thanh, ánh sáng, rèm, quạt,... có chất lượng để phục vụ tốt hơn việc dạy và học.

7.4. Khoa Sư phạm

STT	NỘI DUNG	Rất không hài lòng (%)	Không hài lòng (%)	Bình thường (%)	Hài lòng (%)	Rất hài lòng (%)	Điểm số hài lòng TB
1.	SV được cung cấp đầy đủ thông tin về học phần (nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học, CĐR, học liệu và quy định về kiểm tra, đánh giá).	2.1	1.1	14.2	42.2	40.4	4.2
2.	Nội dung học phần đáp ứng mục tiêu, chuẩn đầu ra tương ứng.	1.7	1.5	14.4	42.7	39.7	4.2
3.	Nội dung học phần cập nhật các thông tin, kiến thức mới.	1.6	1.3	14.3	43.5	39.3	4.2
4.	Các hoạt động dạy học phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần.	1.7	1.4	14.4	43.8	38.7	4.2
5.	Hoạt động giảng dạy của GV khuyến khích được SV tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, có tích hợp với việc phát triển kỹ năng mềm, phát triển tư duy sáng tạo và khả năng học tập suốt đời.	1.6	1.5	14.3	43.0	39.6	4.2
6.	GV lên lớp theo đúng kế hoạch học tập của học phần, GV thực hiện giảng dạy đầy đủ nội dung trong Đề cương chi tiết học phần đã công bố.	1.5	1.5	14.6	43.8	38.6	4.2
7.	GV ứng dụng thành thạo công nghệ thông tin trong giảng dạy, GV hỗ trợ hiệu quả về các vấn đề học tập khi sinh viên có yêu cầu.	1.6	1.3	14.7	44.6	37.8	4.2
8.	Cách ứng xử của giảng viên với người học trong quá trình lên lớp.	1.8	1.2	14.5	44.3	38.2	4.2